

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 34/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2017

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang.
Bà Hoàng Thị Thiệu.
Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân
quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội.
Đại diện VKSND quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội tham gia
phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 348/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2017 về tranh chấp “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/QĐXX-ST ngày 30/6/2017. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị H - sinh năm 19xx.

Nghề nghiệp: Nhân viên.

HKTT: Phường Q – quận H – thành phố Hà Nội.

Nơi ở: Phường M – quận H – thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Sơn T - sinh năm 19xx.

HKTT: Phường Q – quận H – thành phố Hà Nội.

Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Bộ Công an.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại bản tự khai ngày 23/5/2017 và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/6/2017, nguyên đơn - chị Lâm Thị H trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Sơn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2010 tại UBND phường Q – quận H – thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của cả hai vợ chồng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Sơn T sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời và sử dụng ma túy. Gia đình và vợ con cũng đã khuyên bảo nhiều nhưng anh T không thay đổi.

Tháng 7/2016 anh T đã bị bắt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và ngày 15/11/2016 Tòa án nhân dân quận M đã xử phạt 30 tháng tù, hiện nay anh T đang đi chấp hành hình phạt tù tại Trại giam - Bộ Công an. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Lâm N – sinh ngày 18/3/2010 và Nguyễn Lâm Q – sinh ngày 31/12/2014. Hiện nay các cháu đều có sức khỏe tốt và đang sống cùng với chị.

Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nhà ở chung: Chị và anh T không có tài sản và nhà ở chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị và anh T không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

**** Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 12/6/2017 tại Trại giam – Bộ Công an – bị đơn – anh Nguyễn Sơn T trình bày:***

Anh và chị Lâm Thị H kết hôn với nhau ngày 12/5/2010 tại UBND phường Q – quận H – thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ anh tại: Phường V – quận M – thành phố Hà Nội. Cả anh và chị H đều có hộ khẩu thường trú tại phường Q – quận H – thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, anh sống không có trách nhiệm với gia đình. Hiện nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Lâm N – sinh ngày 18/3/2010 và Nguyễn Lâm Q – sinh ngày 31/12/2014. Nếu vợ chồng ly hôn vì hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam nên đồng ý để chị H nuôi 02 cháu và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh.

Về tài sản và nhà ở chung: Vợ chồng anh không có tài sản và nhà ở chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Vợ chồng anh không vay nợ ai, không cho ai vay nợ và không theo phường hội gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ trước tới nay anh chưa mắc các bệnh thần kinh, tâm thần ảnh hưởng đến nhân thân của anh. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Anh vẫn giữ nguyên lời khai như trên, ngoài ra không khai gì thêm.

*** *Tại phiên tòa:***

+ Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và không có ý kiến gì khác. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T vì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài.

+ Anh T vắng mặt vì đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam - Bộ Công an, anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của Pháp luật và công bố lời khai của anh Nguyễn Sơn T theo biên bản ghi lời khai của đương sự và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 12/6/2017 tại Trại giam.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:**

- Thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng. Tiến hành thụ lý vụ án và phân công Thẩm phán, Thư ký, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án theo đúng qui định tại các Điều 28, 35, 36, 39, 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc thu thập chứng cứ và thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng đã thực hiện đúng theo qui định tại các Điều 205, 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đảm bảo đúng thời hạn xét xử.

- Cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo qui định tại điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn đang đi chấp hành án nên không hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng qui định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:**

- Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

- Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo việc tranh tụng đúng qui định.

- Đây là vụ án có thu thập chứng cứ thuộc thẩm quyền tham gia phiên tòa xét xử theo qui định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đến thời điểm xét xử Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng không có kiến nghị gì về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán cũng như của Hội đồng xét xử.

* Ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án:

- Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Chị Lâm Thị H và anh Nguyễn Sơn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, trước đó chưa ai có vợ có chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q ngày 12/5/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh T không có trách nhiệm với vợ con, đua đòi ăn chơi nghiện ma túy. Tháng 7/2016 anh T đã bị Công an quận M bắt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân quận M xử phạt 30 tháng tù ngày 15/11/2016, hiện anh T đang thụ hình án tại Trại giam - Bộ Công an. Nay Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn với anh T.

Anh T xác định đang bị đi tù không thể cải thiện được tình cảm nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị H.

- Xét thấy căn cứ các tài liệu và lời khai của chị H và anh T thì mâu thuẫn của anh chị là có thật, hiện anh T đang đi tù, mỗi người ở một nơi, không có biện pháp gì khắc phục được mâu thuẫn cải thiện quan hệ vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H xin ly hôn là có căn cứ.

- Từ những phân tích trên Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Anh chị xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Lâm N – sinh ngày 18/3/2010 và Nguyễn Lâm Q – sinh ngày 31/12/2014. Giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc đóng góp nuôi con đối với anh T.

- Về tài sản, nhà ở chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lâm Thị H và anh Nguyễn Sơn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2010 tại UBND phường Q – quận H – thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, anh T thường mãi chơi và không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Đến tháng 7/2016 anh T đã bị bắt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và ngày 15/11/2016 Tòa án nhân dân quận M đã xử phạt 30 tháng tù, hiện nay anh T đang đi chấp hành hình phạt tù tại Trại giam – Bộ Công an. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

[3] Chị H và anh T kết hôn từ năm 2010 đến năm 2015 đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đến năm 2016 anh T bị bắt và bị xử phạt về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, điều đó cho thấy rằng thời gian anh chị sống chung chưa nhiều, tình cảm vợ chồng chưa có sự gắn kết, vợ chồng không có tiếng nói chung, cả hai người đều không mang lại hạnh phúc cho nhau.

[4] Về phía anh T cũng xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai vợ chồng không phù hợp nhau và chính anh T cũng thừa nhận anh sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Anh T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh cũng đồng ý. Về phía chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết xin được ly hôn với anh T.

[5] Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T là có thực, hiện nay anh T đang đi chấp hành hình phạt tù mỗi người một nơi, không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H xin ly hôn đối với anh T là hoàn toàn có căn cứ. Để đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[6] Do anh T hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam – Bộ Công an nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lâm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Sơn T.

[7] Về con chung: Chị H và anh T đều xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Lâm N – sinh ngày 18/3/2010 và Nguyễn Lâm Q – sinh ngày 31/12/2014. Hiện nay cháu có sức khỏe tốt và đang ở cùng chị H.

[8] Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh T cũng đồng ý để chị H trực tiếp nuôi cả hai con chung và đề nghị được tạm hoãn việc đóng góp nuôi con.

[9] Xét thấy anh T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam – Bộ Công an nên không có điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cả hai cháu Nguyễn Lâm N và Nguyễn Lâm Q cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2017 cho đến khi các cháu trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[10] Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Do hiện nay anh T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam – Bộ Công an, nên không có điều kiện và khả năng đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, chị H cũng không yêu cầu. Vì vậy tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[11] Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị H và anh T đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về vay nợ: Chị H và anh T đều xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 207, Điều 220, Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 254, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lâm Thị H.
- Chị Lâm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Sơn T.

- **Về con chung:** Xác nhận chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Lâm N – sinh ngày 18/3/2010 và Nguyễn Lâm Q – sinh ngày 31/12/2014.

Giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2017 cho đến khi hai cháu trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- ***Về tài sản chung và nhà ở chung***: Chị H và anh T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- ***Về vay nợ***: Chị H và anh T xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

- ***Về án phí***: Chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0026XX ngày 09/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng – thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị H, vắng mặt anh .

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- UBND P.Q- Q.H-TP.HN
(GCNKH số XX năm 2010);
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thu Huyền